

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 2122/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 08 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 2799/SYT-NVY ngày 29 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, V6, V4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Lịch

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

Thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1745/QĐ-TTg), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

A. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC DÂN SỐ GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện

Từ năm 2020, UBND tỉnh Bình Định (trước đây) và UBND tỉnh Gia Lai (trước đây) đều ban hành văn bản thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của địa phương và các kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn: Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030, Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030, Kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, Kế hoạch mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến năm 2030, Chương trình Củng cố, phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh đến năm 2025. UBND các địa phương, các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ của mình đã xây dựng, phê duyệt Kế hoạch của địa phương, bố trí ngân sách theo phân cấp, tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình/Kế hoạch trên địa bàn quản lý; đẩy mạnh phối hợp liên ngành, xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch 5 năm và hàng năm về dân số và phát triển tại địa phương.

II. Kết quả đạt được

Qua 5 năm thực hiện, công tác dân số đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

Nội dung	Chỉ tiêu 2025	Kết quả thực hiện theo năm					
		2020	2021	2022	2023	2024	2025 (dự kiến)
1. Tổng tỷ suất sinh (TFR) (con/phụ nữ)							
Gia Lai Đông	Từ 2,0 đến 2,2	2,24	2,22	2,02	1,97	2,01	2,02
Gia Lai Tây	2,3	2,47	2,44	2,31	2,38	2,33	2,3
2. Quy mô dân số (nghìn người)							
Gia Lai Đông	1.560	1.487,9	1.508,3	1.504,3	1.506,3	1.518,5	1.525,5
Gia Lai Tây	1.659	1.542	1.570	1.591	1.614	1.635	1.657
3. Tỷ số giới tính khi sinh (Số trẻ trai/100 trẻ gái)							
Gia Lai Đông	<110	110,3	110,4	110,2	110,1	109,0	108,9
Gia Lai Tây	105	106	105	105	104	106	105
4. Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (%)							
Gia Lai Đông	50	6,7	9,1	13,4	16,3	5,47	21,4
Gia Lai Tây	80	40	50	60	60	65	70
5. Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến (%)							
Gia Lai Đông	50	17	23,1	42,3	47,4	32,6	36
Gia Lai Tây	50	20	25	30	30	30	30
6. Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến (%)							
Gia Lai Đông	50	2,1	0,9	4,2	6,9	12	20
Gia Lai Tây	75	20	25	30	30	30	30
7. Tuổi thọ bình quân							
Gia Lai Đông	74,5	73,5	73,47	73,47	74,23	74,7	74,7
Gia Lai Tây	72,6	70,1	71,17	71,2	72,42	72,5	72,6

1. Mức sinh và quy mô dân số

- Gia Lai Đông: Tiếp tục duy trì mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có từ 2,0 con đến 2,2 con). Giai đoạn 2020-2025, mức sinh bình quân là 2,08 con/phụ nữ. Trên phạm vi khu vực Gia Lai Đông, không còn vùng có mức sinh cao và không có sự chênh lệch về mức sinh giữa thành thị và nông thôn, giữa các địa phương. Quy mô dân số năm 2025 trên 1,5 triệu người.

- Gia Lai Tây: Đã triển khai đồng bộ các giải pháp giảm sinh, tổng tỷ suất sinh (TFR) giảm từ 2,47 con (năm 2020) xuống còn 2,33 con (năm 2024), tiến dần đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế vào năm 2030. Có sự chênh lệch về mức sinh giữa vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số với vùng thành thị. Quy mô dân số năm 2025 trên 1,6 triệu người.

2. Cơ cấu dân số và tỷ số giới tính khi sinh

- Gia Lai Đông: Kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh xuống dưới mức 0,28 điểm %/năm, đưa tỷ số giới tính khi sinh từ 110,3 năm 2020 xuống còn 108,9 năm 2025. Như vậy, Gia Lai Đông đã kiểm soát có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về mức cân bằng tự nhiên (*103 - 106 bé trai/100 bé gái*).

- Gia Lai Tây: Tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh đã được khống chế và duy trì ở mức cân bằng tự nhiên (*106 bé trai/100 bé gái*). Như vậy, khu vực này đã ổn định tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên.

3. Nâng cao chất lượng dân số

Trong những năm qua, toàn tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng dân số và đạt được một số kết quả nhất định. Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn ngày càng tăng (trước đây tỷ lệ này chỉ tính số người được tư vấn, hiện nay tỷ lệ này được tính khi có tư vấn và khám sức khỏe). Tình trạng tảo hôn trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giảm xuống dưới 15% trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay không xảy ra tình trạng hôn nhân cận huyết thống. Công tác tầm soát trước sinh và sơ sinh cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được chú trọng, tuyên truyền rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân, tổ chức triển khai tại các cơ sở y tế công lập cho các đối tượng được miễn phí theo quy định; tỷ lệ phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được tầm soát có xu hướng tăng dần qua các năm, thể hiện nhận thức và nhu cầu ngày càng tăng của người dân về tầm soát bệnh tật bẩm sinh. Tuổi thọ bình quân của người dân tăng dần qua các năm, phản ánh sự cải thiện về chất lượng sống.

4. Tuổi thọ và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Tuổi thọ trung bình của dân số tỉnh ngày càng được nâng lên. Tuổi thọ bình quân tăng từ 73,5 tuổi (năm 2020) lên 74,7 tuổi (năm 2024) tại Gia Lai Đông; từ 70,1 tuổi (năm 2020) đến 72,5 tuổi (năm 2024) tại Gia Lai Tây.

Công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (NCT) luôn được chú trọng và ngành Y tế đã tích cực triển khai các chương trình, đề án liên quan đến NCT. Tại khu vực Gia Lai Đông: đến cuối năm 2025 ước đạt 68,2% NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm; 86,4% NCT được lập hồ sơ theo dõi quản lý sức khỏe; 100% Trung tâm y tế, Trạm y tế xã thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe NCT trên địa bàn theo quy định; 33,3% bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh có Khoa Lão khoa; 9,1% Trung tâm y tế dành một số giường để điều trị người bệnh là NCT. Tại khu vực Gia Lai Tây: Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ và NCT được lập hồ sơ quản lý sức khỏe hằng năm đều tăng nhưng chưa đạt so với chỉ tiêu đề ra (tăng lên 10% so với cùng kỳ năm trước và tỷ lệ NCT khám sức khỏe

định kỳ hằng năm đạt trên 70% kế hoạch; tỷ lệ NCT được lập hồ sơ quản lý sức khỏe đạt trên 95% kế hoạch). Toàn khu vực hiện có 184/218 xã (tỷ lệ 84%) có Câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT, 175/218 xã (tỷ lệ 80%) có Tổ tình nguyện viên chăm sóc sức khỏe NCT và đang được nhân rộng cả về số lượng thành viên cũng như mô hình câu lạc bộ; có 02 Bệnh viện có khoa Lão khoa; 05 Trung tâm y tế bố trí buồng/phòng dành riêng cho NCT.

5. Những hạn chế, khó khăn

- Gia Lai Đông: Tổng tỷ suất sinh (TFR) có xu hướng giảm dưới mức sinh thay thế (TFR: năm 2022 là 2,02 con/phụ nữ; năm 2023 là 1,97 con/phụ nữ; năm 2024 là 2,01 con/phụ nữ; năm 2025 là 2,02 con/phụ nữ).

- Gia Lai Tây: Tổng tỷ suất sinh (TFR) có xu hướng giảm nhưng chưa đạt mức sinh thay thế vào năm 2025 là 2,3 con/phụ nữ).

- Chưa có giải pháp đồng bộ, toàn diện, hiệu quả để phát huy lợi thế thời kỳ “dân số vàng”, thích ứng với già hóa dân số; tỷ lệ người cao tuổi khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm; tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh; tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt thấp so với mục tiêu. Tuổi thọ bình quân tăng nhưng số năm sống khỏe còn thấp.

- Công tác truyền thông, giáo dục về dân số những năm gần đây còn chậm đổi mới, chưa toàn diện do nguồn kinh phí chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong giai đoạn 2021 - 2025 bị cắt giảm nên nhiều nội dung hoạt động theo kế hoạch của Chiến lược không có điều kiện triển khai thực hiện. Đội ngũ làm công tác truyền thông ở địa phương có sự biến động; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ truyền thông của một số cá nhân vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

6. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan:

- Đối tượng sàng lọc trước sinh và sơ sinh được miễn phí thu hẹp rất nhiều, bên cạnh đó việc xã hội hóa chưa được triển khai mạnh mẽ. Việc thu thập số liệu sàng lọc trước sinh và sơ sinh từ khu vực y tế tư nhân chưa đầy đủ nên số liệu báo cáo thấp hơn so với thực tế.

- Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân chưa có sự ràng buộc mang tính pháp lý nên tỷ lệ tham gia chưa nhiều.

- Kinh phí chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong giai đoạn 2021 - 2025 bị cắt giảm nên nhiều nội dung hoạt động theo kế hoạch của Chiến lược không có điều kiện triển khai thực hiện.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Nguyên nhân chủ yếu là do một số cấp ủy, chính quyền chủ quan, chưa nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng, tính chất lâu dài, khó khăn, phức tạp của công tác dân số; chưa sát sao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch Chiến lược.

- Một số chỉ số đầu vào của các chỉ tiêu phục vụ cho Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 chưa được nghiên cứu đầy đủ.

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt và triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị nhằm đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác dân số và phát triển trong tình hình mới.

b) Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tăng cường công tác phối hợp liên ngành giữa các sở, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1745/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

a) Xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các sở, ngành và UBND xã, phường trong tổ chức thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phân đầu đạt được cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác dân số đã đề ra tại Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Định (cũ) thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về công tác dân số trong tình hình mới” và Chương trình số 60-Ctr/TU ngày 02/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai (cũ) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

c) Đảm bảo việc triển khai Quyết định số 1745/QĐ-TTg đồng bộ, toàn diện, kịp thời, hiệu quả, gắn với việc thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, các chương trình, đề án về dân số của tỉnh phù hợp với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Quán triệt và triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị nhằm đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác dân số và phát triển trong tình hình mới tại tỉnh Gia Lai. Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bổ dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ), quy mô dân số khoảng 3,2 triệu người. Tỷ suất sinh thô trên địa bàn khu vực Gia Lai Tây giảm 10% và trên địa bàn khu vực Gia Lai Đông tăng 10%.

b) Tỷ số giới tính khi sinh dưới 106 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

c) Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt trên 70%.

d) Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%; tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90%.

đ) Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm đạt 90%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về công tác truyền thông: Đẩy mạnh truyền thông về các chủ trương, chính sách dân số, Nghị quyết số 21-NQ/TW, Kết luận số 149-KL/TW và chính sách dân số của địa phương; đổi mới nội dung, phương thức truyền thông, tận dụng truyền thông số, truyền thông xã hội; chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; huy động cả hệ thống chính trị cùng tham gia.

2. Về quy mô dân số: Kiểm soát mức sinh hợp lý; giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng; củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình (SKSS/KHHGĐ); hỗ trợ miễn phí dịch vụ KHHGĐ cho đối tượng ưu tiên.

3. Về cơ cấu và chất lượng dân số: Thích ứng với già hóa dân số; kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; tăng cường dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; đẩy mạnh sàng lọc trước sinh, sơ sinh; nâng cao chất lượng tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, chăm sóc sức khỏe sinh sản và dự phòng vô sinh ở người chưa thành niên, thanh niên.

4. Về tổ chức hệ thống, nhân lực: Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số; nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác dân số, cộng tác viên; tăng cường phối hợp liên ngành.

5. Về ứng dụng công nghệ, dữ liệu số: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số; kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia; khai thác hiệu quả dữ liệu sẵn có phục vụ quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận số 149-KL/TW

a) Các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã, phường tổ chức phổ biến, tuyên truyền, quán triệt đầy đủ nội dung Kết luận số 149-KL/TW và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg đến toàn bộ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong phạm vi quản lý nhằm tạo sự thống nhất, nâng cao nhận thức, hành động của các cấp, các ngành và

toàn xã hội; góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân số trong tình hình mới (hoàn thành trong tháng 10 năm 2025).

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, các địa phương đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Kết luận số 149-KL/TW và Kế hoạch này trên các phương tiện truyền thông đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở.

2. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân số

a) Thủ trưởng các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và Chủ tịch UBND các xã, phường

- Cấp ủy các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt sâu sắc, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 21-NQ/TW, nhất là quan điểm chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- Nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm, đổi mới phương thức lãnh đạo; đổi mới tư duy trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách dân số; thực sự xem dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu, công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết, vừa lâu dài của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị.

- Đưa mục tiêu, nhiệm vụ công tác dân số vào trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác; thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của cả tỉnh, từng vùng, từng ngành, từng địa phương. Phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp liên ngành của ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển các cấp.

b) Sở Y tế

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, đôn đốc các địa phương trong quá trình triển khai các biện pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy nòng cốt của các lực lượng chuyên trách và huy động sự tham gia tích cực của người dân trong thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát triển.

3. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

a) Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và UBND các xã, phường

- Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền vận động về dân số trong tình hình mới đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân; coi việc thực hiện chính sách dân số và phát triển trong kỷ nguyên mới là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội.

- Tận dụng lợi thế của truyền thông số, truyền thông xã hội với tiêu chí đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức, sát với thực tiễn và phù hợp với từng đối tượng, từng vùng, miền để chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức về dân số tới từng người dân nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về dân số và phát triển.

b) Sở Y tế

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông, giáo dục về dân số; khai thác hiệu quả mạng xã hội, trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở để nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền, mở rộng phạm vi tiếp cận và lan tỏa thông điệp đến toàn xã hội.

4. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số

a) Sở Y tế chủ động phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường:

- Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách hiện hành của tỉnh liên quan đến dân số; phát hiện những bất cập, chồng chéo, chưa phù hợp với thực tiễn để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tham mưu ban hành các quy định về chính sách dân số của tỉnh, phù hợp với tình hình mới; xây dựng chính sách khen thưởng, khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt các kế hoạch, chương trình, đề án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân số.

b) Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng và thực hiện các đề án, nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Định (cũ) về “công tác dân số trong tình hình mới” và Kế hoạch số 1657/KH-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh Gia Lai (cũ) thực hiện Chương trình số 60-Ctr/TU ngày 02/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai (cũ) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới, cụ thể:

- Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Y tế, UBND các xã, phường sắp xếp tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng dẫn của Trung ương; triển khai có hiệu quả Luật Người cao tuổi, Luật Bảo hiểm xã hội, Bộ Luật Lao động, Luật Bình đẳng giới và các bộ luật có liên quan nhằm khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; đảm bảo trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển gia đình trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ngành liên quan xây dựng, ban hành hướng dẫn đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, làng, tổ dân phố phù hợp với các quy định của pháp luật; triển khai thực hiện các tiêu chí đánh giá về gia đình hạnh phúc trong thời kỳ mới; lồng ghép các nội dung công tác dân số và phát triển với công tác gia đình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao và thiết chế văn hóa cơ sở (hương ước, quy ước của cộng đồng, dòng tộc).

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát, bổ sung các chương trình, dự án để thực hiện chính sách bố trí dân cư nhằm hỗ trợ thỏa đáng, thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài tại vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn, khu vực trọng yếu về an ninh, quốc phòng (theo Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy Bình Định (cũ) về “công tác dân số trong tình hình mới”).

5. Triển khai đồng bộ các giải pháp về công tác dân số

a) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các xã, phường:

- Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số: củng cố, phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh; mạng lưới chăm sóc người cao tuổi; từng bước phát triển mạng lưới chuyên ngành lão khoa, đào tạo và phát triển nhân lực chuyên sâu về lão khoa, bố trí khoa/phòng/giường bệnh dành riêng cho người cao tuổi tại các cơ sở y tế, phát triển mô hình chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người cao tuổi; triển khai có hiệu quả công tác phòng bệnh, nâng cao sức khỏe bà mẹ, trẻ em và người dân; đẩy mạnh xã hội hóa, đổi mới phương thức cung cấp các dịch vụ dân số.

- Tăng cường nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác dân số: Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chuẩn hóa đội ngũ làm công tác dân số, đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang dân số và phát triển; tiếp cận hợp tác quốc tế về công tác dân số để tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm, kỹ thuật để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững về dân số.

- Triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án về dân số: Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, các chương trình, đề án về dân số và phát triển đến năm 2030; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 sau khi được phê duyệt.

- Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp đảm bảo thống nhất, liên tục và đồng bộ với quá trình triển khai sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp; tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành công tác dân số; tăng cường nguồn lực đầu tư nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đã đề ra.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 theo chỉ đạo của Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ngành liên quan đồng bộ cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, tích hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia để khai thác, sử dụng hiệu quả sau khi hoàn thành.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cân đối, bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch, bảo đảm theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan, trong đó ưu tiên đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giới, giới tính, tăng cường giáo dục thể chất, nâng cao thể lực học sinh trong hệ thống giáo dục quốc dân; tiếp tục tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục dân số trong các môn học và hoạt động giáo dục; nâng cao hiệu quả giáo dục, đào tạo, hướng nghiệp và dạy nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động.

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh các chương trình tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị, tăng thời gian sử dụng lao động ở khu vực nông thôn.

đ) Các sở, ngành và UBND các xã, phường tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy, đội ngũ làm công tác dân số trong quá trình triển khai sắp xếp đơn vị hành chính, đảm bảo thống nhất, liên tục, thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát triển.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước, nguồn huy động của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính và UBND các xã, phường bảo đảm kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của các sở, ngành và địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành và UBND các xã, phường xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg của địa phương/đơn vị (hoàn thành chậm nhất trong tháng 10 năm 2025); định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch và gửi báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai Kế hoạch này; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Hoan